

HỌC THUYẾT VỀ QUYỀN VÀ HẠN CHẾ QUYỀN TỰ DO ĐỊNH ĐOẠT CỦA NGƯỜI LẬP DI CHỨC

NGUYỄN NHẬT HUY*

Quyền định đoạt của cá nhân lập di chúc chính là biểu hiện của sự tự do ý chí. Tuy nhiên, quyền tự do ý chí không có nghĩa là tùy tiện. Quyền tự do của người này phải luôn hướng tới tự do và lợi ích của người khác. Theo đó, nội dung của di chúc thể hiện ý chí chủ quan của người lập di chúc nên khi thực hiện quyền hưởng di sản bằng cách phân chia di sản thừa kế theo di chúc, di sản phải được phân chia theo đúng ý nguyện cũng như thể hiện sự tôn trọng quyền tự do ý chí người lập di chúc mà pháp luật đã trao cho họ. Bài viết tập trung tìm hiểu các học thuyết về quyền tự do định đoạt và hạn chế quyền tự do định đoạt của người lập di chúc, từ đó có những kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền và quyền tự do định đoạt của người lập di chúc ở nước ta.

Từ khóa: Quyền của người lập di chúc; quyền tự do định đoạt; học thuyết; hạn chế quyền.

The disposition right of testator is an expression of free will. However, free will does not mean arbitrariness. The freedom of one person should always be directed to the freedom and interests of others. Accordingly, the content of the will expresses the subjective will of the testator, so when exercising the right to inherit the estate by dividing the inheritance according to the will, the estate must be divided in accordance with the will as well as expressing the respect for the free will of the testators that the law has given them. The article focuses on the doctrines of the freedom of disposition and restrictions on the testator's freedom of disposition, and proposes several recommendations to improve the law on the rights of free testamentary disposition in Vietnam.

Keywords: Rights of the testator; free disposition; doctrines; restrictions of rights.

NGÀY NHẬN: 28/6/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 27/7/2023

NGÀY DUYỆT: 16/8/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.331.2023.579>

Bất cứ một chế định pháp luật nào khi được xây dựng cũng đều dựa trên những lý thuyết hay nguyên lý nhất định. Liên quan đến quyền và hạn chế quyền tự do định đoạt (QTDDĐ) của người lập di chúc (NLDC), hiện đã có một số học thuyết chi phối và ảnh hưởng như sau:

1. Học thuyết về quyền tự nhiên của con người

Học thuyết về quyền tự nhiên (QTN) của

con người được hình thành trên cơ sở thuyết khế ước xã hội. Nhà nước là những gì phản ánh lợi ích của các thành viên trong xã hội và mỗi thành viên đều có quyền yêu cầu nhà nước phục vụ họ, bảo vệ lợi ích của họ. Các quan điểm theo đuổi học thuyết về QTN khẳng định rằng quyền mà Nhà nước

* NCS, Trường Đại học Luật Hà Nội

quy định cho mỗi cá nhân đều thuộc về lẽ tự nhiên¹.

Ngay từ khi xuất hiện được coi là một đạo luật đầu tiên của xã hội loài người, Đạo luật XII bảng ở thời kỳ La Mã đã thừa nhận quyền lập di chúc của cá nhân để lại di sản thừa kế của mình cho người khác sau khi chết. Kế thừa một cách có chọn lọc, pháp luật về thừa kế của các quốc gia hiện tại luôn ghi nhận về quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của cá nhân. Tuy nhiên, khi lập di chúc để định đoạt tài sản của mình, cá nhân phải tuân theo những yêu cầu của pháp luật nhằm bảo đảm sự dung hòa giữa QTN của cá nhân với lợi ích cộng đồng, xã hội.

Từ những văn bản quy phạm pháp luật thời kỳ phong kiến cổ đại của Việt Nam² cho tới những văn bản hiện đại như *Bộ luật Dân sự* (BLDS) năm 1995, 2005, 2015 đều quy định, cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình, đồng thời khẳng định pháp luật tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền lập di chúc của cá nhân.

Quyền của NLDC là “khả năng pháp luật cho phép người lập di chúc xử sự, lựa chọn khi thực hiện hành vi lập di chúc và những việc liên quan”³. Khi NLDC có tài sản để lại thừa kế và có ý định để lại cho những người còn sống khác, người đó có thể thể hiện ý chí định đoạt của mình thông qua di chúc. Việc lập di chúc để định đoạt tài sản cá nhân khi người đó còn sống là một QTN. Học thuyết về QTN cho thấy, việc pháp luật ghi nhận quyền và cụ thể hóa bằng các quy định, biện pháp, cách thức để thực thi QTN của con người, trong đó có quyền của NLDC trong việc định đoạt tài sản của mình là điều chắc chắn sẽ xảy ra. Đối với loại quyền năng này, nhu cầu của việc để lại di sản, phân định di sản là cốt lõi. Chính vì vậy, pháp luật buộc phải đặt ra các yêu cầu để bảo đảm lợi ích chính đáng của người để lại di sản kể từ khi người này có sự thể hiện nhu cầu cho đến khi thực hiện nhu cầu đó trên thực tế.

2. Học thuyết tự do ý chí

Học thuyết tự do ý chí được xây dựng trên sự kế thừa tư tưởng triết học của Platon, I. Canto và triết học tôn giáo phương Đông mà tiêu biểu cho sự khởi xướng nghiên cứu về ý chí và sự tự do là Athur Schopenhauer (1788 - 1860). Học thuyết này được xây dựng trên cơ sở sự ghi nhận khả năng của một người trong việc hành động với những kế hoạch mà bản thân đã đề ra, không bị can thiệp bởi bất cứ yếu tố nào khác. Khi xem xét về học thuyết tự do ý chí, các học giả trên thế giới thường nghiên cứu trên ba phương diện: về mặt triết học, về mặt đạo đức, về mặt kinh tế. Theo đó, “... tự do ý chí phải được đề cao để con người vì lợi ích của mình trong xã hội tự do cạnh tranh mang lại những lợi ích chung”⁴.

Thuyết về tự do ý chí cũng được xác định là nền tảng pháp lý của rất nhiều hệ thống pháp luật trên thế giới khi quy định vấn đề thừa kế theo di chúc. Riêng về vấn đề thừa kế, việc xác định theo di chúc hay theo pháp luật là giải pháp nguyên tắc cho vấn đề chuyển giao di sản lệ thuộc vào quan niệm về cơ sở của quyền thừa kế. Quan niệm của quyền năng này dựa trên: (1) Coi trọng vấn đề kinh tế - quyền thừa kế chiếm ưu thế hơn thì thừa kế theo di chúc được lựa chọn. Di sản coi như một hình thức kéo dài quyền sở hữu cá nhân; (2) Coi trọng vấn đề luân lý, gia đình - quyền thừa kế được coi trọng nhưng thừa kế theo pháp luật được lựa chọn; (3) Dung hòa hay pha trộn giữa hai quan niệm kinh tế và luân lý, đạo đức, gia đình⁵.

Ở một số quốc gia, như nước Anh đã từng có thời kỳ về cơ bản không có sự hạn chế đáng kể nào đối với QTĐĐĐ tài sản của cá nhân sau khi chết⁶, ý chí nếu được bày tỏ một cách thích đáng trong những trường hợp đặc thù có thể loại bỏ hẳn thừa kế theo pháp luật (quan niệm này đã được duy trì tại Anh cho đến 1938 khi một số luật về thừa kế dành cho gia đình được thông qua)⁷, mặc dù các nguyên tắc cơ bản của thừa kế theo di

chức trong hệ thống pháp luật châu Âu lục địa không bao giờ xa rời tâm trí của các luật gia người Anh trong việc định hình luật thừa kế theo di chúc⁸. Ở Ai-len, vợ/chồng hoặc “kết hợp dân sự” của người chết trước sẽ nhận được một “phần quyền hợp pháp” là 1/2 di sản của người chết trước nếu họ không có con, 1/3 di sản của người chết trước nếu họ có con. Con cái sẽ được chi trả một khoản được gọi là “cung cấp vĩnh viễn” tương ứng với khoản tiền mà người để lại di sản phải chu cấp cho các con khi người này còn sống⁹.

Trên phương diện kinh tế, nếu coi quyền sở hữu là một quyền tuyệt đối và nếu coi cá nhân có quyền tự do tuyệt đối thì phải công nhận cho cá nhân quyền định đoạt tài sản của mình. Pháp luật tôn trọng quyền định đoạt của người để lại di sản nên nếu họ có để lại di chúc hợp pháp, trong đó đã xác định cách phân chia di sản, phân di sản mà mỗi người thừa kế theo di chúc được hưởng thì di sản phải được phân chia theo đúng ý định mà người để lại di sản đã xác định trong di chúc. Theo phương diện này thì di sản theo di chúc có tính cách quan trọng nhất. Vì căn cứ trên ý định của người quá cố, người này có toàn quyền chuyển dịch tài sản của mình mà không bị hạn chế, hậu quả là trong trường hợp này di sản không được định đoạt bởi di chúc chỉ có tính cách phụ thuộc.

Trái lại, trên phương diện luân lý, gia đình thì pháp luật về thừa kế là một phương tiện pháp lý để dịch chuyển tài sản từ người chết sang những người còn sống khác, qua đó, để người chết làm tròn bổn phận của mình với gia đình, bổn phận đó không chỉ giới hạn trong hiện tại mà cả sau khi người đó chết để bảo đảm cho tương lai của thế hệ sau¹⁰. Nếu coi quyền sở hữu chỉ là một quyền tương đối và chủ sở hữu còn có nhiệm vụ giữ gìn tài sản đối với gia đình, xã hội thì không thể công nhận cá nhân hoàn toàn tự do định đoạt tài sản của mình. Khi quyền tự do ý chí phát triển đến mức độ cao thì việc lập di chúc sẽ gây nguy hại đến lợi ích của gia đình.

Vì vậy, người đó chỉ có thể định đoạt di sản bằng di chúc trong phạm vi pháp luật cho phép. Quyền định đoạt của NLDC chính là tôn trọng quyền tự do ý chí của cá nhân nhưng đồng thời quyền tự do của người này phải phù hợp với quy định của pháp luật, không xâm phạm đến lợi ích của quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Ở nước ta, nếu NLDC đã định đoạt tài sản phạm vào kỷ phân luật định đối với người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc được xác định theo Điều 644 *BLDS* năm 2015 thì khi chia di sản theo di chúc không tuyệt đối theo sự định đoạt của NLDC mà phải chú ý và bảo đảm quyền lợi của những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo điều luật nói trên. Cách xác định 2/3 của suất thừa kế chia theo pháp luật này là “sự hạn chế quyền định đoạt của người lập di chúc nếu sự định đoạt đó vượt quá giới hạn cho phép và bảo vệ quyền của những người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc”¹¹. Khi người quá cố chuyển dịch tài sản cho các thừa kế là làm một bổn phận đối với gia đình về thời gian sau khi mình chết thì nghĩa vụ ấy sẽ do luật pháp bắt buộc. Theo quan niệm này thì di sản không được định đoạt bởi di chúc sẽ quan trọng hơn, người chết chỉ có thể định đoạt tài sản của mình theo di chúc trong phạm vi pháp luật cho phép¹².

Bên cạnh việc giới hạn sự tự do định đoạt của NLDC thông qua chế định người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc, để bảo đảm quyền lợi cho những người có quyền tài sản liên quan đến di sản của người đã chết, các chủ nợ của người để lại di sản, pháp luật nước ta cũng quy định tại khoản 2 Điều 645 và khoản 3 Điều 646 *BLDS* năm 2015.

Theo truyền thống văn hóa của nước ta thì tài sản cả đời cha mẹ làm ăn tích góp để lại cho con càng nhiều càng tốt. *Bộ Dân luật Bắc Kỳ* năm 1931, Hoàng Việt Trung Kỳ họ

luật năm 1936, án lệ Nam Kỳ và *Bộ Dân luật* năm 1972, NLDC “được hoàn toàn tự do để sử dụng bằng chúc thư tài sản của mình vào thời kỳ sau khi chết”¹³. Pháp luật thực định lại theo hướng NLDC: “có quyền định đoạt tài sản của mình trong di chúc cho ai theo ý chí của họ nhưng không hoàn toàn tự do trong việc định đoạt”¹⁴. Trong pháp luật về dân sự, cần hiểu “quyền tự định đoạt của chủ thể trong quan hệ dân sự nói chung và quyền tự định đoạt của người để lại thừa kế nói riêng là quyền tự định đoạt trong khuôn khổ pháp luật”¹⁵. Phần di sản được hưởng không phụ thuộc nội dung di chúc có tính chất quyền thừa kế nhưng lại không chịu sự chi phối của chế độ di chuyển di sản theo pháp luật. Không có quy định nào trong Điều 650 *BLDS* năm 2015 về những trường hợp thừa kế theo pháp luật đề cập đến việc di chuyển phần di sản được hưởng không phụ thuộc nội dung di chúc cho những người thừa kế được liệt kê tại Điều 644. Do luật Việt Nam thừa nhận tính chất ưu tiên của thừa kế theo di chúc, việc giao phần di sản được hưởng không phụ thuộc nội dung di chúc chỉ là “Các quy tắc của chế độ di chuyển di sản theo pháp luật chỉ được sử dụng để xác định con số thể hiện giá trị phần di sản được hưởng không phụ thuộc nội dung di chúc, chứ không được dùng làm cơ sở cho việc di chuyển phần di sản đó”¹⁶.

Theo Điều 644 *BLDS* năm 2015, cha, mẹ, vợ, chồng, con chưa thành niên, con thành niên mà không có khả năng lao động sẽ được hưởng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo luật, hoàn toàn không phụ thuộc vào ý chí của NLDC có cho họ hưởng hay không. Cũng có ý kiến cho rằng, pháp luật thừa kế của chúng ta được xây dựng trên sự kết hợp cả phương diện kinh tế và luân lý. Quyền thừa kế trong điều kiện của nước ta hiện nay được thể hiện như một phương tiện để củng cố sở hữu của công dân, củng cố quan hệ hôn nhân và gia đình; bảo vệ lợi ích của những người chưa

thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động¹⁷.

Chế độ thừa kế dựa trên các quy tắc sau: (1) Quyền tự do ý chí; (2) Các bốn phận đối với gia đình; (3) Đạo hiếu; (4) Việc thờ cúng tổ tiên; (5) Bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử giữa các con tùy theo tình trạng pháp lý trong thừa kế theo pháp luật.

3. Học thuyết về nhà nước và pháp luật

Với tư cách là chủ sở hữu tài sản (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm chủ sở hữu và người có quyền đối với tài sản), quyền năng của NLDC là rất lớn. Tuy nhiên, không phải mọi quyền năng đều có thể được ghi nhận và thực thi mà cần phải lưu ý rằng, việc lập di chúc còn phải tuân thủ các quy định pháp luật cũng như cần lưu ý các vấn đề đạo đức xã hội. Sự “can thiệp” của Nhà nước vào việc lập di chúc của cá nhân và thực hiện ý chí của người có di sản nhằm bảo đảm: (1) Hiện thực hóa lợi ích tinh thần, mong muốn chuyển dịch tài sản của cá nhân sau khi chết; (2) Hòa giải giữa quyền lợi tư với trật tự, lợi ích công. Điều này thể hiện ở chỗ, Nhà nước ghi nhận quyền lập di chúc, sự tự do về mặt ý chí khi xác lập di chúc và các điều kiện pháp luật đặt ra để bảo đảm trật tự, ổn định xã hội khi thực hiện quá trình lập di chúc, phân định di sản thừa kế theo di chúc (của NLDC) và phân chia di sản thừa kế theo di chúc (của người phân chia di sản). Nhà nước coi trọng quyền tự định đoạt của cá nhân thì sự can thiệp vào các hành vi ứng xử cụ thể như định đoạt trong di chúc không thể mang tới sự xâm phạm lợi ích của chủ thể khác.

Thực tế cho thấy, khi cá nhân chết, quan hệ phát sinh từ thừa kế hình thành, địa vị pháp lý của nhiều chủ thể sẽ được ghi nhận như: người thừa kế theo di chúc, người thừa kế theo pháp luật, người quản lý di sản, người giữ di chúc, người công bố di chúc, người mang quyền đối với nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, người phân chia di sản, những người khác có liên quan đến di sản

thừa kế... Nếu pháp luật tôn trọng và thực hiện mọi mong muốn của người để lại di sản rất có thể sẽ làm ảnh hưởng tới lợi ích của chủ thể khác. Chính vì vậy, pháp luật phải đặt ra các yêu cầu khắt khe đối với bản di chúc cũng như quy định cụ thể về hình thức, cách thức phân chia di sản theo di chúc để từ đó làm căn cứ dịch chuyển di sản.

Nhìn chung, từ nhu cầu, nhận thức về quyền tự định đoạt của cá nhân đối với tài sản, hành vi lập di chúc nhằm thỏa mãn lợi ích của việc dịch chuyển di sản sau khi chết đã đặt ra. Đứng trước việc thiết lập cơ chế để thực hiện nhu cầu này của cá nhân và sự hài hòa lợi ích của các chủ thể khác trong thừa kế, pháp luật buộc phải điều tiết hành vi lập di chúc bằng việc đặt ra các yêu cầu đối với bản di chúc để qua đó ghi nhận hiệu lực của di chúc, điều tiết hành vi phân chia di sản theo di chúc và theo pháp luật bằng việc đặt ra yêu cầu đối với hai trình tự thừa kế và hai phương thức phân chia là theo di chúc và theo pháp luật.

4. Kết luận

Như vậy, cơ sở lý luận cho sự hình thành lý thuyết cũng như cụ thể hóa bằng những quy định pháp luật về quyền và hạn chế QTDDĐ của NLDC chính là tổng hòa giữa ba học thuyết: *Thuyết về QTN*, *Thuyết về sự tự do ý chí của cá nhân* và *Thuyết khoa học về Nhà nước và pháp luật*. Nói một cách cụ thể hơn, quyền lập di chúc thuộc về tự nhiên, việc tôn trọng và bảo đảm thực hiện ý chí trong di chúc thuộc về tự do ý chí nhưng tất cả phải đặt trong sự can thiệp bởi ý chí của Nhà nước khi điều chỉnh một cách chính đáng lợi ích của cá nhân lập di chúc với lợi ích của chủ thể khác, cộng đồng và xã hội. Mọi sự định đoạt của cá nhân không thể xâm phạm tới lợi ích của các chủ thể khác □

Chú thích:

1. Nguyễn Văn Mạnh. *Một số học thuyết cơ bản về nhà nước và pháp luật*. H. NXB Chính trị - Hành chính, 2010, tr. 55.

2. *Quốc triều hình luật đã chú ý đến việc nhắc nhở cha mẹ phải liệu tuổi già mà làm chúc thư cho các con tại Điều 390 “Người làm cha mẹ phải liệu tuổi già mà lập sẵn chúc thư”*.

3. Nguyễn Thị Trà My. *Quyền của người lập di chúc theo pháp luật Việt Nam hiện hành*. Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 22.

4. Ngô Huy Cương. *Tự do ý chí và sự tiếp nhận ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 115, 2008, tr. 17.

5, 7, 16. Nguyễn Ngọc Điện. *Bình luận khoa học về thừa kế trong Luật Dân sự Việt Nam*. H. NXB Trẻ, 2001, tr. 17 - 18, 17, 191 - 192.

6. Lucia Ruggeri, Ivana Kunda, Sandra Winkler (2019). *Family Property and Succession in EU Member States: National Reports on the Collected Data*. <https://www.pravri.uniri.hr>, tr. 705.

8. Lindsay Dean Breach (2013). *The Civil Law Influence on the Evolution of Testamentary Succession (he Civil Law Influence on the Evolution of Testamentary Successionthe Civil Law Influence on the Evolution University of Canterbury, New Zealand*, tr. 20.

9. *Wills and intestacy (Di chúc và không để lại di chúc)*. <https://www.flac.ie>, truy cập ngày 08/02/2023.

10, 11. Phạm Văn Tuyết, Lê Kim Giang. *Pháp luật về thừa kế và thực tiễn giải quyết tranh chấp*. H. NXB Tư pháp, 2017, tr. 250, 265 - 267.

12, 13. Bùi Tường Chiêu. *Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam*. Tác giả xuất bản, in ronéo, Sài Gòn, 1974, tr. 34, 63.

14. Đỗ Văn Đại. *Luật Thừa kế Việt Nam - Bản án và bình luận bản án (sách chuyên khảo). Tập 1*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2016, Bản án 40 - 43, tr. 333 - 334.

15. Kiều Thanh. *Quyền định đoạt của người lập di chúc*. Tạp chí Luật học, số chuyên đề về Bộ luật Dân sự, 1996, tr. 57 - 58.

17. Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên). *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam. Tập 1*. H. NXB Công an nhân dân, 2014, tr. 291 - 292.